

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày 02-8-2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Hội.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và ông Nguyễn Tiến Tịnh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến là Thư ký TAND huyện Đắk Mil.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2022, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 06 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 19A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Chu Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 20/02/2022, tại lời khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị A và anh Chu Nguyễn Hoàng G kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn chị A và anh G chung sống hạnh phúc được 02 năm,

đến năm 2011 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, trong quá trình chung sống anh G không chịu làm ăn chăm lo cho gia đình. Từ những lý do trên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh G ngày một trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Chị A và anh G đã không sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh G.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống chị A và anh G có 02 con chung là Chu Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/12/2010 và Chu Hoàng Bảo N, sinh ngày 12/12/2013. Chị A có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Chu Nguyễn Hoàng G trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh G theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên anh G đều vắng mặt không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của

Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A ly hôn với anh Chu Nguyễn Hoàng G.

Về con chung: Giao 02 con chung là Chu Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/12/2010 và Chu Hoàng Bảo N, sinh ngày 12/12/2013 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị A không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, quyền nuôi con chung khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Bị đơn là anh Chu Nguyễn Hoàng G có nơi cư trú tại Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

1.2. Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, tuy nhiên nguyên đơn là chị A đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn là anh Chu Nguyễn Hoàng G đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng anh G vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Chu Nguyễn Hoàng G kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 31/12/2009. Như vậy, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh G là hợp pháp.

Xét lý do chị A yêu cầu ly hôn anh G là vì sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh G không hạnh phúc, thường nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và tính cách không hòa hợp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh G ngày càng trở lên trầm trọng, đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Theo xác nhận tại địa phương nơi chị A và anh G cư trú thì những mâu thuẫn giữa chị A và anh G là đúng sự thật.

Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng chung sống có hạnh phúc phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Tuy nhiên, sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa chị A và anh G thường nảy sinh mâu thuẫn, anh G không biết chăm lo cho gia đình, không yêu thương chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, chị A và anh G đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay điều này cho thấy hôn nhân giữa chị A và anh G không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho chị A ly hôn anh G là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Đối với yêu cầu muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung là Chu Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/12/2010 và Chu Hoàng Bảo N, sinh ngày 12/12/2013 đến khi đủ 18 tuổi.

Xét thấy, từ khi chị A và anh G không còn sống chung thì các con chung đều do chị A chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến nay, các con chung đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao cho chị A nuôi dưỡng các con chung là cần thiết vì sẽ đảm bảo được về điều kiện chăm sóc, các quyền lợi cho con chung phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị A và anh Chu Nguyễn Hoàng G có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Do chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A .

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A ly hôn anh Chu Nguyễn Hoàng G.

2. Về con chung: Giao con chung 02 là Chu Nguyễn Hà M, sinh ngày 19/12/2010 và Chu Hoàng Bảo N, sinh ngày 12/12/2013 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

2.1. Về cấp dưỡng nuôi con: Do Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu anh Chu Nguyễn Hoàng G cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

2.2. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị A và anh Chu Nguyễn Hoàng G có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị A phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0000822, ngày 25 tháng 3 năm 2022.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Đình Hội

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Đình Hội

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Đình Hội